TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 15/2020/HNGĐ - ST
Ngày 24 tháng 7 năm 2020
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Thành Nam và bà Bùi Thị Kim Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; nơi ĐKHKTT: Xóm Q, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang sinh sống tại: Số nhà 154, đường H, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Nguyễn Kim S, sinh năm 1971; nơi ĐKHKTT: Xóm Q, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Các bên đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Kim S kết hôn với nhau ngày 15/11/2003 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, cả hai anh chị đều được tự do tìm hiểu nhau. Sau ngày cưới, chị về gia đình nhà anh S làm dâu và sinh sống ở xã T cùng gia đình anh S được khoảng 08 tháng thì anh chị được bố mẹ chồng cho ra làm ăn

riêng, kinh tế độc lập. Do anh S trước khi kết hôn với chị, anh S đang kinh doanh sắt thép ở xã T nên sau khi kết hôn, anh chị đã mở Công ty thép ở xã T và cùng kinh doanh sắt thép ở xã T. Ban đầu công việc kinh doanh thuận lợi nên anh chị mở thêm Công ty sắt thép ở phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc để kinh doanh. Hàng ngày anh chị vẫn đến xã T để làm việc và về phường H để ở. Do việc kinh doanh sắt thép ở thành phố V không thuận lợi nên chị không kinh doanh cùng anh S nữa mà chị mở quán ăn đêm tại phường H để bán hàng riêng, anh S vẫn tiếp tục kinh doanh sắt thép ở thành phố V được một thời gian thì vỡ nợ nên anh S bỏ hẳn không kinh doanh sắt thép nữa mà về phụ chị bán hàng tại quán ăn đêm của chị, ngày thì về xã T để làm thêm sắt thép. Ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2010 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S sống thiếu niềm tin đối với chị, nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh S thường xuyên rượu chè say sỉn về nhà đánh đập chị thậm tệ, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh S không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng dạn nứt.

Tại phiên tòa chị H xác định, chị và anh S hiện nay đang sống ly thân nhưng vẫn ở cùng chung trong một nhà tại phường H, thành phố V. Hàng ngày anh S vẫn về xã T để làm sắt thép thuê thỉnh thoảng anh S ở lại nhà của anh S ở xã T được bố mẹ tặng cho, thu nhập cụ thể của anh S được bao nhiêu thì chị không biết còn chị thì thu nhập bình quân từ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) trên tháng trở lên. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Bị đơn là anh Nguyễn Kim S trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống ở xã T và phường H, thành phố V của anh chị như lời trình bày trên của chị H là đúng. Anh S thừa nhận, trong cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị H có xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn chủ yếu là do chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh đã khuyên bảo nhưng chị H không chịu sửa chữa dẫn đến anh chán nản uống rượu. Do không làm chủ được tinh thần nên anh có chửi bới, đánh đập chị H. Hiện tại anh đang kinh doanh sắt thép tại xã T, thu nhập bình quân của anh từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, anh thường xuyên đi đi về về giữa xã T và phường H, thành phố V, tại xã T anh đang có đất và nhà của bố mẹ anh tặng cho riêng anh. Mặc dù, anh và chị H thực tế có xảy ra mâu thuẫn và đang sống ly thân nhau nhưng xét thấy, tình cảm vợ chồng vẫn còn và vẫn có cơ hội để vợ chồng hàn gắn lại tình cảm nên

chị H xin ly hôn, anh không đồng ý. Anh đề nghị Tòa án cho anh chị được về đoàn tụ với nhau để cùng nhau xây dựng cuộc sống chung và cùng nhau chăm sóc nuôi dạy các con.

Về con chung: Chị H và anh S đều xác định, vợ chồng có 06 con chung gồm cháu Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 21/11/2002; cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 25/02/2004; cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 07/3/2006; cháu Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 22/01/2010; cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 17/7/2012 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/10/2017. Hiện tại các cháu đều đang ở cùng với anh S, chị H. Nếu ly hôn, cả anh S và chị H đều có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng tất cả 06 con chung và không ai yêu cầu người không trực tiếp nuôi con chung phải cấp dưỡng nuôi con chung cho người trực tiếp nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai, cháu Nguyễn Quỳnh T, Nguyễn Quỳnh N, Nguyễn Quỳnh A, Nguyễn Nguyệt A và cháu Nguyễn Kim A đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở; đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H và anh S không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Toà án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Kim Văn S.

Về con chung: Giao cho chị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 07/3/2006; cháu Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 22/01/2010 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/10/2017 cho đến khi các con thành niên. Giao cho anh Nguyễn Kim S được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 21/11/2002; cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 25/02/2004 và cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 17/7/2012 cho đến khi các con thành niên. Không ai

phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của anh S và chị H.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H và anh S không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Kim S là bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Anh S hiện đang có hộ khẩu thường trú và làm việc tại xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nên căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

[2].Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S. Anh S thừa nhận, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H có xảy ra mâu thuẫn và hiện tại vợ chồng đang sống ly thân nhau nhưng anh thấy tình cảm vẫn còn và nếu có cơ hội thì vợ chồng vẫn có thể hàn gắn lại được tình cảm với nhau nên chị H xin ly hôn, anh không đồng ý. Anh đề nghị Tòa án cho vợ chồng anh được đoàn tụ với nhau để vợ chồng có điều kiện cùng nhau xây dựng cuộc sống chung và cùng nhau nuôi dạy các con.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án thì thấy. Chị H và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nên cần xác định, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, chị H và anh S đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đang sống ly thân với nhau. Chị H xác định không còn tình cảm với anh S nên xin được ly hôn, anh S xác định vẫn còn tình cảm với chị H nên xin được đoàn tụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã phân tích hòa giải rất nhiều để anh chị về sống đoàn tụ nhưng cả hai anh chị vẫn cãi vã, mâu

thuẫn vẫn căng thẳng. Bản thân anh S xin đoàn tụ nhưng anh S không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn lại tình cảm với chị H. Anh S thừa nhận, do anh nghi ngờ chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác không quan tâm gì đến cuộc sống của anh nên anh có rượu chè say sỉn và đánh đập chửi bới chị H. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh S đã rạn nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị H được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị H và anh S đều thừa nhận, vợ chồng có 06 con chung cháu Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 21/11/2002; cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 25/02/2004; cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 07/3/2006; cháu Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 22/01/2010; cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 17/7/2012 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/10/2017. Hiện tại các cháu đều đang ở cùng với anh S, chị H. Ly hôn, cả anh S và chị H đều có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng tất cả 06 con chung, không ai yêu cầu người không trực tiếp nuôi con chung phải cấp dưỡng nuôi con chung cho người trực tiếp nuôi con. Cháu Nguyễn Quỳnh T, Nguyễn Quỳnh N, Nguyễn Quỳnh A, Nguyễn Nguyệt A và cháu Nguyễn Kim A đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc nuôi dạy các con là quyền lợi và cũng là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Xét thấy, yêu cầu xin nuôi con của chị H và anh S đều là chính đáng. Song việc bố hoặc mẹ nuôi toàn bộ cả 06 con đang ở độ tuổi ăn học như các con của chị H và anh S hiện nay thì không thể đảm bảo được rằng các con của anh S và chị H có cuộc sống tốt cho dù nguyện vọng của 5/6 người con của anh chị đều xin được ở với mẹ. Tại phiên tòa chị H thừa nhận, ngoài công việc kinh doanh quán ăn đêm, chị còn làm kinh doanh bất động sản nên thu nhập bình quân của chị vào khoảng từ 20.000.000 đồng/tháng trở lên. Anh S thừa nhận, anh đang kinh doanh sắt thép tại xã T nên thu nhập bình quân của anh vào khoảng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng. Với thu nhập bình quân của anh S và chị H thực tế đúng như lời trình bày trên của anh chị thì việc một người nuôi tất cả 06 con không thể đảm bảo được cuộc sống của các con và không phù hợp với quy định tại các điều 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cho chị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Thành Đ, cháu Nguyễn Nguyệt A và cháu Nguyễn Quỳnh A; giao cho anh S được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Kim A, cháu Nguyễn Quỳnh N và cháu Nguyễn Quỳnh T cho đến khi các con thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H và anh S không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con chung cho người trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của chị H và anh S.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị H phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì vậy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Kim S.

2/ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 07/3/2006; cháu Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 22/01/2010 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/10/2017 cho chị Nguyễn Thị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các con thành niên. Giao cho anh Nguyễn Kim S được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 21/11/2002; cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 25/02/2004 và cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 17/7/2012 cho đến khi các con thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho người nuôi con trực tiếp, không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của anh S và chị H.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm

ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005513 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Hạnh